

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/DS-ST

Ngày: 28/5/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phụng Liên, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chung Thị L, sinh năm 1962 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đại Thôn, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:*

- Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 (vắng mặt)

- Tăng Thanh Nhân, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Giồng Giá, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Chung Thị L như sau:

Vào ngày 16/8/2015 ông L có tổ chức chơi hội do ông L làm đầu thảo, loại hội tháng khui một lần, số tiền 1.000.000 đồng. Ông L không có giao cho bà danh sách hội nên bà L không biết bao nhiêu thành viên tham gia. Bà đóng hội được 7 lần số tiền được hưởng là 7.000.000 đồng, đến lần thứ 8 thì ông L đình hội. Ông L hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả nên bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu ông L, bà Nhân trả cho bà trả số tiền 7.000.000 đồng. Ngày 15/5/2025 bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nhân không yêu cầu bà Nhân phải liên đới với ông L trả nợ cho bà. Nay bà L

yêu cầu Tòa giải quyết: Buộc ông L trả cho bà số tiền 7.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Phía ông Nguyễn Văn L và bà Tăng Thanh Nhân: Đã nhận được thông báo thụ lý, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 68, 70, 71, 74 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc ông L trả cho bà L số tiền 7.000.000 đồng. Bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nhân nên đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nhân. Về án phí buộc các đương sự chịu theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự “Tranh chấp hợp đồng góp hội”. Bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông L và bà Nhân đã được triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị L. Hội đồng xử án xét thấy:

[1] Vào ngày 16/8/2015 bà L có tham gia chơi hội do ông L làm đầu thảo, hội một tháng khai một lần, số tiền 1.000.000 đồng. Bà L góp hội được 7 lần, đến lần thứ 8 thì ông L đình hội. Số tiền được hưởng 7 lần góp hội là 7.000.000 đồng. Phía ông L có tự khai thừa nhận có tổ chức chơi hội, bà L có tham gia và số tiền ông nợ bà L 7.000.000 đồng. Như vậy việc ông L tổ chức chơi hội, bà L có tham gia chơi hội, ông L đình hội và nợ bà L số tiền 7.000.000 đồng là có thật. Sau khi đình hội ông L không trả tiền cho bà L là vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L nên bà L khởi kiện buộc ông L trả cho bà số tiền 7.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Ngày 15/5/2025 bà L rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nhân. Không yêu cầu bà Nhân phải liên đới với ông L trả nợ cho bà L nên Hội đồng xử án đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nhân

[2] Về lãi suất: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông L là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị L

Buộc ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm trả cho bà Chung Thị L số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng)

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Tăng Thanh Nhân (do bà L rút yêu cầu, không yêu cầu bà Nhân phải liên đới với ông L trả nợ cho bà L).

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không có xem xét hoàn trả. Ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng